TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-10-2019
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Thanh Nga;**

Ông **Nguyễn Văn Sơn.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Liêng Thị Kim Ngân -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Màu**, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 335/2019/TLST–HNGĐ, ngày 08 tháng 8 năm 2019, về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con";* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14-10-2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Út L, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp 13, xã A, huyện G, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Lưu Su P, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29-7-2019 và bản tự khai nguyên đơn chị Võ Thị Út L trình bày:

Vào năm 2005, chị xác lập quan hệ hôn nhân với anh Lưu Su P, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện G vào ngày 17/4/2008. Trong thời gian sống chung anh chị có 01 con chung tên Lưu Hoài N, sinh ngày 17/7/2008 đang sống chung với anh P.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải

quyết.

Nguyên nhân xin ly hôn: Vợ chồng sống chung, anh P không lo làm ăn lo cho cuộc sống gia đình, nên từ đó chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay, thời gian ly thân anh chị không hàn gắn đoàn tụ được, nay chị yêu cầu được ly hôn.

Nay chị Út L yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Cho chị được ly hôn với anh Lưu Su P.

Về con chung: Chị đồng ý giao con chung tên Lưu Hoài N, sinh ngày 17/7/2008 cho anh Lưu Su P nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Chị Võ Thị Út L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị Út L cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau đây: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); trích lục khai sinh con (bản chính) 01 sổ hộ khẩu gia đình (photo); 01 chứng minh nhân dân tên Võ Thị Út L (photo).

Đối với bị đơn: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các thủ tục như Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng anh Lưu Su P không đến Tòa án tham gia tố tụng và Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của anh P được nên không thể xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Cho chị Út L được ly hôn với anh Lưu Su P.

Về con chung: Chị Võ Thị Út L đồng ý giao con chung tên Lưu Hoài N, sinh ngày 17/7/2008 cho anh Lưu Su P nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung; Chị Út L không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh P được quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bằng vụ kiện khác.

Về tài sản chung: Chị Út L khai không có nên đề nghị không xem xét. Sau khi ly hôn anh P được quyền yêu cầu chia tài sản chung với chị Út L bằng vụ kiện khác.

Về nợ chung: Chị Út L khai không có nên đề nghị không xem xét.

Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Lưu Su P có hộ khẩu thường trú ở huyện T, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn anh Lưu Su P trong quá trình tiến hành tố tụng và giải quyết vụ án anh P đều vắng mặt, mặc dù Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh P vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Lưu Su P.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Võ Thị Út L và anh Lưu Su P kết hôn vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện G vào ngày 17/4/2008 theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, theo đơn khởi kiện chị Út L trình bày do anh P không lo làm ăn để lo cho gia đình, từ đó vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay nay, thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn đoàn tụ được nên chị Út L xin được ly hôn với anh P; điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Út L và anh P đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Út L được ly hôn với anh P.

[3] *Về con chung:* Anh chị có 01 con chung tên Lưu Hoài N, sinh ngày 17/7/2008 đang sống chung với anh P, chị Út L đồng ý giao con chung cho anh P nuôi dưỡng, cháu N có nguyện vọng được sống chung với anh P, nên Hội đồng xét xử giao cháu N cho anh P nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị Út L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, sau khi ly hôn anh P có yêu cầu chị Út L cấp dưỡng nuôi con chung thì anh P có quyền khởi kiện vụ án tranh chấp cấp dưỡng nuôi con với chị Út L.

[5] *Về tài sản chung:* Chị Út L khai chị và anh P không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Do Tòa án không trực tiếp làm việc với anh P để biết ý kiến của anh về tài sản chung và anh có tranh chấp về tài sản chung giữa anh và chị Út L hay không. Vì vậy, nếu sau khi ly hôn anh P có

tranh chấp về tài sản chung với chị Út L thì anh P có quyền khởi kiện vụ án tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn với chị Út L.

[6] *Về nợ chung:* Chị Võ Thị Út L khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Xét thấy đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Út L.

1. Về hôn nhân: Cho chị Võ Thị Út L được ly hôn với anh Lưu Su P.

2. Về con chung: Chị Võ Thị Út L đồng ý giao con chung tên Lưu Hoài N, sinh ngày 17/7/2008 cho anh Lưu Su P nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chunng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Võ Thị Út L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, sau khi ly hôn anh Lưu Su P có yêu cầu chị Út L cấp dưỡng nuôi con chung thì anh P có quyền khởi kiện vụ án tranh chấp mức cấp dưỡng nuôi con với chị Út L.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

4. Về tài sản chung: Chị Võ Thị Út L khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Nếu sau khi ly hôn anh Lưu Su P có tranh chấp về tài sản chung thì được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn với chị Võ Thị Út L.

5. Về nợ chung: Chị Võ Thị Út L khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị Út L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004491, ngày 08-8-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Chị Võ Thị Út L đã nộp đủ án phí.

Anh Lưu Su P không phải chịu án phí.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- CC THADS huyện Tiểu Cần;
-UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm